



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1769>

## THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TIẾNG ANH THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Kim Hải<sup>1,2\*</sup> và Phạm Huy Tư<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn, Việt Nam

<sup>3</sup>Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ, Email: [huynhkimhai@siu.edu.vn](mailto:huynhkimhai@siu.edu.vn)

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 08/02/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 13/3/2026; Ngày duyệt đăng: 16/3/2026

### Tóm tắt

Trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh đổi mới và hội nhập quốc tế, giáo dục đại học được đặt ra yêu cầu phát triển nguồn nhân lực có phẩm chất toàn diện và năng lực chuyên môn vững vàng, trong đó năng lực tiếng Anh giữ vai trò then chốt. Định hướng đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học đòi hỏi đổi mới không chỉ trong giảng dạy mà cả trong quản lý hoạt động dạy học theo tiếp cận năng lực. Bài viết phân tích thực trạng quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực đối với sinh viên không chuyên ngữ tại các trường đại học quốc tế ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu vận dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi theo thang đo 3 và 5 mức độ với cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả nhằm đánh giá mức độ thực hiện các chức năng quản lý. Kết quả tập trung làm rõ: (i) nhận thức về tầm quan trọng của quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực; (ii) xây dựng kế hoạch; (iii) tổ chức thực hiện; (iv) chỉ đạo; và (v) kiểm tra, đánh giá. Mặc dù nhận thức của các chủ thể tương đối thống nhất, việc triển khai các chức năng quản lý chưa đồng bộ, nhiều nội dung chỉ đạt mức trung bình. Nghiên cứu cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Hoạt động dạy học, quản lý, sinh viên không chuyên anh, tiếng anh, tiếp cận năng lực.

Trích dẫn: Huỳnh, K. H., & Phạm, H. T. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực cho sinh viên không chuyên ngữ của các trường đại học quốc tế ở Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(01S), 70-82. <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1769>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

# **THE CURRENT SITUATION OF MANAGING ENGLISH LANGUAGE TEACHING ACTIVITIES BASED ON A COMPETENCY-BASED APPROACH FOR NON-ENGLISH-MAJOR STUDENTS AT INTERNATIONAL UNIVERSITIES IN HO CHI MINH CITY**

**Huynh Kim Hai<sup>1,2\*</sup> and Pham Huy Tu<sup>3</sup>**

<sup>1</sup>*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

<sup>2</sup>*Saigon International University, Vietnam*

<sup>3</sup>*Vinh Long University of Technology Education, Vietnam*

*\*Corresponding author, Email: huynhkimhai@siu.edu.vn*

## **Article history**

*Received: 08/02/2026; Received in revised form: 13/3/2026; Accepted: 16/3/2026*

## **Abstract**

*On national reform and increasing international integration, higher education in Vietnam is required to develop human resources with comprehensive qualities and strong professional competencies, in which English proficiency plays a crucial role. The orientation of positioning English as a second language in schools requires innovation not only in teaching practices but also in managing teaching activities based on a competency-based approach. This study analyzes the current state of managing English language teaching activities based on a competency-based approach for non-English-major students at international universities in Ho Chi Minh City. A questionnaire survey with three- and five-point Likert scales was administered to administrators, lecturers, and students. The collected data were analyzed using descriptive statistics to evaluate the level of implementation of management functions. The findings focus on five main aspects: (i) awareness of the importance of competency-based English teaching management; (ii) planning; (iii) organization and implementation; (iv) direction; and (v) inspection and evaluation. Although stakeholders demonstrate relatively consistent awareness, implementing these management functions remains inconsistent, with many aspects assessed only at an average level. The study provides empirical evidence for proposing solutions for improvement on managing the concened tasks in the context of international integration.*

**Keywords:** *Competency-based approach, English language, management, non-English-major students, teaching activities.*

## **1. Giới thiệu**

Đảng và Nhà nước đã chỉ đạo cấp thiết việc nâng cao năng lực tiếng Anh cho người học trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; tăng cường dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; đồng thời ban hành quy định về dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong các cơ sở giáo dục. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045” và Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045”, trong đó nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, xây dựng hệ sinh thái ngôn ngữ tiếng Anh trong trường học và tạo môi trường thuận lợi để tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai (Bộ Chính trị, 2025; Chính phủ, 2025; Thủ tướng Chính phủ, 2025a, 2025b).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, tiếng Anh ngày càng giữ vai trò then chốt trong giáo dục đại học, đặc biệt tại các trường đại học quốc tế, nơi tiếng Anh không chỉ là môn học mà còn là ngôn ngữ sử dụng trong học tập và làm việc (Nguyễn & cs., 2023; UNESCO, 2016). Tiếng Anh đồng thời là điều kiện xét tốt nghiệp và tiêu chí tuyển dụng quan trọng đối với sinh viên sau khi ra trường.

Định hướng này tiếp tục được cụ thể hóa trong Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân”, khi tiếng Anh được xác định là ngoại ngữ ưu tiên và ngành giáo dục chủ trương tập trung nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trước khi mở rộng sang các ngoại ngữ khác (H. N., 2026). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy chuẩn đầu ra ngoại ngữ vẫn là rào cản lớn. Năm 2024, tại Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn, 83,75% sinh viên chậm tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn tiếng Anh; tại một số trường đại học quốc tế khác ở Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ này trên 22% (Thống kê nội bộ SIU, 2024). Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nghiên cứu quản lý hoạt động dạy học (HDDH) tiếng Anh theo tiếp cận năng lực nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Trong nghiên cứu này, tiếp cận năng lực được hiểu theo định hướng dựa trên chuẩn đầu ra (Outcome-Based Education), trong đó năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên được thể hiện qua khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giao tiếp học thuật và nghề nghiệp cụ thể. Khung năng lực được tham chiếu theo CEFR và Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, làm cơ sở xác định chuẩn đầu ra, thiết kế nội dung dạy học, tổ chức hoạt động học tập và kiểm tra - đánh giá. Theo đó, quản lý HDDH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực làm rõ các chức năng của nhà quản lý, cụ thể: mức độ nhận thức về tầm quan trọng của quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực, lập kế hoạch quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực, tổ chức quản lý HDDH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực, chỉ đạo dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực, và kiểm tra, đánh giá dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực nhằm hỗ trợ sinh viên hình thành và phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh theo chuẩn đầu ra đã xác định.

## **2. Tổng quan lý thuyết, lược sử nghiên cứu và phát triển giả thuyết**

Các nghiên cứu đã đề cập cho thấy nền tảng lý luận về dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực. Bên cạnh các nghiên cứu về dạy học theo tiếp cận năng lực, nhiều công trình cũng tập trung phân tích vai trò của quản lý HDDH trong quá trình đổi mới giáo dục. Huỳnh và Nguyễn (2019) cho rằng quản lý HDDH theo định hướng tiếp cận năng lực cần được xem xét một cách toàn diện thông qua các phương diện như bản chất, nguyên tắc và nội dung quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới. Trong khi đó, Nguyễn (2021) nhấn mạnh rằng dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực là một nội dung quan trọng của quá trình đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông, đòi hỏi sự thay đổi đồng bộ các thành tố của quá trình dạy học như mục tiêu, nội dung, phương pháp và kiểm tra – đánh

giá. Tuy nhiên, kết quả khảo sát tại các trường trung học cơ sở ở Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy công tác quản lý dạy học theo định hướng này vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt trong việc lập kế hoạch, tổ chức triển khai, phối hợp giữa các lực lượng tham gia và xây dựng hệ thống đánh giá phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực của người học (Nguyễn, 2021).

Từ góc độ quản lý giáo dục, Nguyễn và Nguyễn (2021) cho rằng quản lý HỖ ĐH là quá trình tác động có mục đích của chủ thể quản lý vào quá trình dạy – học nhằm đạt được mục tiêu giáo dục của nhà trường. Nội dung quản lý HỖ ĐH bao gồm các yếu tố cơ bản như quản lý mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, cơ sở vật chất và kiểm tra – đánh giá. Các yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ và tác động trực tiếp đến chất lượng dạy học cũng như kết quả hình thành năng lực của người học. Bên cạnh đó, Trần (2020) cho rằng trong quản lý dạy học theo định hướng phát triển năng lực, vai trò của hiệu trưởng và đội ngũ quản lý nhà trường là yếu tố then chốt trong việc hoạch định kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo HỖ ĐH và xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá phù hợp. Ở góc độ đảm bảo chất lượng giảng dạy, Phạm và cộng sự (2025) cho rằng hiệu quả giảng dạy phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thiết kế chương trình, phương pháp giảng dạy, môi trường học tập chủ động, sự cá nhân hóa và hệ thống kiểm tra – đánh giá phù hợp. Tương tự, Chan và Chen (2024) cũng chỉ ra rằng chất lượng giảng dạy được cấu thành bởi nhiều hoạt động như năng lực sư phạm, thiết kế chương trình, kiểm tra – đánh giá, hỗ trợ người học và phát triển chuyên môn của giảng viên. Ngoài ra, các nghiên cứu gần đây cũng nhấn mạnh vai trò của các yếu tố quản trị và điều kiện đảm bảo chất lượng dạy học như năng lực giảng viên, cơ chế quản lý học phần, điều kiện cơ sở vật chất, sự hỗ trợ của lãnh đạo và mức độ gắn kết của người học (Nguyễn, 2025). Trong bối cảnh chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp 4.0, quản trị giáo dục ngày càng gắn với việc ứng dụng công nghệ trong quản lý và tổ chức dạy học. Trương và Trần (2025) cho rằng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), Big Data, Learning Management System (LMS) và Student Information System (SIS) giúp nâng cao hiệu quả quản trị giáo dục thông qua việc phân tích dữ liệu học tập, hỗ trợ cá nhân hóa hoạt động học tập và tối ưu hóa quá trình ra quyết định quản lý. Tổng hợp các nghiên cứu cho thấy quản lý HỖ ĐH theo tiếp cận năng lực cần được triển khai thông qua các chức năng quản lý cơ bản như: nâng cao nhận thức của các chủ thể quản lý và giảng dạy; xây dựng kế hoạch dạy học theo chuẩn đầu ra; tổ chức triển khai các HỖ ĐH; chỉ đạo và hỗ trợ giảng viên trong quá trình thực hiện; đồng thời kiểm tra và đánh giá mức độ đạt được của các mục tiêu năng lực (Huỳnh & Nguyễn, 2019; Nguyễn & Nguyễn, 2021; Trần, 2020). Đây cũng chính là các nội dung cốt lõi để đánh giá thực trạng quản lý HỖ ĐH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực trong các cơ sở giáo dục đại học. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này tiến hành khảo sát thực trạng quản lý HỖ ĐH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học quốc tế ở Thành phố Hồ Chí Minh thông qua các chức năng quản lý cơ bản, bao gồm: nhận thức về tầm quan trọng, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra – đánh giá.

### **3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu**

*Đối tượng nghiên cứu:* Hoạt động quản lý dạy học tại các trường đại học quốc tế thành phố Hồ Chí Minh.

*Phương pháp nghiên cứu:* Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát khách quan các chủ thể trong trường đại học (cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên). Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua bảng hỏi: (i) Về khảo sát về thực trạng nhận thức, nghiên cứu sử dụng thang đo 03 mức độ (rất quan trọng, quan trọng và không quan trọng); đối tượng khảo sát gồm: cán bộ quản lý là 40 người; Giảng viên là 35 người; sinh viên là 388 người; (ii) Về khảo sát về thực trạng thực hiện các chức năng quản lý, bài viết nghiên cứu sử dụng thang đo 05 mức độ (Rất tốt, tốt, khá, trung bình (TB) và chưa đạt); đối tượng khảo sát là 75 người (cán bộ quản lý là 40 người; Giảng viên là 35 người). Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phương pháp

thống kê mô tả với sự hỗ trợ của Microsoft Office Excel.

#### 4. Kết quả và thảo luận thực trạng quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực cho sinh viên không chuyên ngữ các trường đại học quốc tế ở thành phố Hồ Chí Minh

##### 4.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực

**Bảng 1. Nhận thức về tầm quan trọng của quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực**

Các chủ thể	Kết quả khảo sát		
	Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
Viên chức quản lý	31/40 (77,5%)	7/40 (17,5%)	2/40 (5,0%)
Giảng viên	28/35 (80,0%)	5/35 (14,29%)	2/35 (5,71%)
Sinh viên	324/388 (83,51%)	54/388 (13,92%)	10/388 (2,58%)
Tổng cộng	383/463 (82,72%)	66/463 (14,25%)	14/463 (3,02%)

Kết quả Bảng 1 cho thấy mức độ nhận thức về tầm quan trọng của quản lý HĐDH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực là rất cao ở cả ba nhóm đối tượng khảo sát. Cụ thể, 95,0% viên chức quản lý, 94,29% giảng viên và 97,43% sinh viên cho rằng việc quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực là quan trọng hoặc rất quan trọng. Điều này phản ánh sự đồng thuận cao về mặt nhận thức đối với yêu cầu đổi mới dạy học tiếng Anh trong bối cảnh hội nhập quốc tế và triển khai giáo dục theo định hướng chuẩn đầu ra. Trong đó, viên chức quản lý có tỷ lệ đánh giá “rất quan trọng” cao (77,5%), thể hiện sự thống nhất về chủ trương và định hướng quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực. Giảng viên tiếng Anh cũng có nhận thức tích cực (80,0% đánh giá “rất quan trọng”).

Tuy nhiên qua phỏng vấn cho thấy vẫn còn những khó khăn nhất định trong việc tổ chức dạy học theo nhiệm vụ, ứng dụng công nghệ và xây dựng công cụ đánh giá năng lực. Sinh viên không chuyên ngữ có tỷ lệ đánh giá cao nhất (83,51% “rất quan trọng”), song vẫn còn một bộ phận nhỏ sinh viên (2,58%) cho rằng việc này không quan trọng, cho thấy nhận thức chưa đồng đều, có thể ảnh hưởng đến mức độ chủ động tham gia các hoạt động học tập theo định hướng năng lực.

Nhìn chung, kết quả khảo sát khẳng định nhận thức tích cực là tiền đề thuận lợi cho việc triển khai quản lý HĐDH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học quốc tế ở Thành phố Hồ Chí Minh; tuy nhiên, để nhận thức được chuyển hóa thành hành động hiệu quả, cần có các biện pháp quản lý đồng bộ và hỗ trợ phù hợp cho từng nhóm đối tượng.

##### 4.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực

**Bảng 2. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực**

Nội dung (75 phiếu)		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Chưa đạt	Điểm TB
Cấu trúc và hình thức bản kế hoạch đảm bảo theo yêu cầu	SL	3	5	17	32	18	2,24
	TL	4,0%	6,7%	22,7%	42,7%	24,0%	

<b>Nội dung (75 phiếu)</b>		<b>Rất tốt</b>	<b>Tốt</b>	<b>Khá</b>	<b>TB</b>	<b>Chưa đạt</b>	<b>Điểm TB</b>
Kế hoạch thể hiện đầy đủ các mục tiêu HỖDDH (theo chuẩn đầu ra)	SL	2	4	19	31	19	2,19
	TL	2,7%	5,3%	25,3%	41,3%	25,3%	
Nội dung kế hoạch đáp ứng các mục tiêu đề ra	SL	3	4	15	34	19	2,17
	TL	4,0%	5,3%	20,0%	45,3%	25,3%	
Kế hoạch thể hiện sự phân công nhiệm vụ chịu trách nhiệm thực hiện từng nội dung cụ thể, rõ ràng	SL	2	5	18	33	17	2,23
	TL	2,7%	6,7%	24,0%	44,0%	22,7%	
Kế hoạch thể hiện thời gian hoàn thành và có sản phẩm cụ thể (KPI)	SL	3	5	15	31	21	2,17
	TL	4,0%	6,7%	20,0%	41,3%	28,0%	
Kế hoạch thể hiện các tiêu chí, yêu cầu để tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ (đạt KPI)	SL	2	4	14	32	23	2,07
	TL	2,7%	5,3%	18,7%	42,7%	30,7%	

Kết quả Bảng 2 cho thấy thực trạng xây dựng kế hoạch HỖDDH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực chỉ đạt mức TB, với Điểm TB các nội dung khảo sát dao động từ 2,07 đến 2,24. Điều này phản ánh rằng công tác lập kế hoạch mới dừng ở mức đáp ứng hình thức, chưa thể hiện rõ yêu cầu quản lý dạy học theo chuẩn đầu ra và tiếp cận năng lực.

Xét theo từng nội dung khảo sát, tiêu chí “Cấu trúc và hình thức bản kế hoạch đảm bảo theo yêu cầu” đạt điểm TB cao nhất (2,24 - mức TB). Kết quả này cho thấy các cơ sở đào tạo đã bước đầu tuân thủ các quy định chung về hình thức kế hoạch, tuy nhiên tỷ lệ đánh giá “chưa đạt” vẫn còn khá cao (24,0%), cho thấy tính thống nhất và chuẩn hóa trong xây dựng kế hoạch chưa được bảo đảm.

Tiêu chí “Kế hoạch thể hiện sự phân công nhiệm vụ chịu trách nhiệm thực hiện từng nội dung cụ thể, rõ ràng” có điểm TB 2,23, xếp ở mức TB. Mặc dù đã có sự phân công nhất định, nhưng qua số liệu cho thấy phần lớn ý kiến chỉ đánh giá ở mức “TB” (44,0%), phản ánh việc phân công còn mang tính hành chính, chưa gắn chặt với yêu cầu triển khai các HỖDDH theo tiếp cận năng lực.

Các tiêu chí liên quan trực tiếp đến bản chất của tiếp cận năng lực lại có điểm TB thấp hơn. Cụ thể, tiêu chí “Kế hoạch thể hiện đầy đủ các mục tiêu HỖDDH (theo chuẩn đầu ra)” đạt 2,19, trong khi tiêu chí “Nội dung kế hoạch đáp ứng các mục tiêu đề ra” chỉ đạt 2,17. Điều này cho thấy việc cụ thể hóa chuẩn đầu ra thành mục tiêu dạy học và nội dung triển khai trong kế hoạch còn nhiều hạn chế, kế hoạch chưa thực sự đóng vai trò định hướng cho giảng viên tổ chức dạy học theo năng lực.

Đáng chú ý, hai tiêu chí có điểm TB thấp nhất là “Kế hoạch thể hiện thời gian hoàn thành và có sản phẩm cụ thể (KPI)” (điểm TB là 2,17) và “Kế hoạch thể hiện các tiêu chí, yêu cầu để tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ (đạt KPI)” (điểm TB là 2,07). Đây là những nội dung then chốt của quản lý theo tiếp cận năng lực, song lại có tỷ lệ “chưa đạt” cao nhất (tương ứng 28,0% và 30,7%). Kết quả này phản ánh rõ thực trạng kế hoạch dạy học chưa gắn với quản lý theo kết quả đầu ra, thiếu sản phẩm học tập cụ thể và tiêu chí đánh giá năng lực,

dẫn đến khó khăn trong theo dõi, kiểm soát và điều chỉnh quá trình triển khai.

Tổng hợp các nội dung khảo sát cho thấy công tác xây dựng kế hoạch HỖ ĐH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực mới đạt mức TB, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý dạy học theo chuẩn đầu ra. Kế hoạch chủ yếu mang tính hình thức, thiếu các yếu tố cốt lõi như mục tiêu năng lực cụ thể, sản phẩm học tập, KPI và tiêu chí đánh giá. Đây chính là “điểm nghẽn quản lý” cần được ưu tiên giải quyết trong quá trình triển khai dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học quốc tế ở Thành phố Hồ Chí Minh.

### 4.3. Thực trạng tổ chức triển khai kế hoạch dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực

**Bảng 3. Thực trạng tổ chức triển khai kế hoạch dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực**

Nội dung		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Chưa đạt	Điểm TB
Thực hiện quản lý theo sự phân cấp rõ ràng trong Nhà trường	SL	4	6	16	32	17	2,31
	%	5,3%	8,0%	21,3%	42,7%	22,7%	
Quản trị theo hệ thống chặt chẽ theo chức năng	SL	3	4	21	31	16	2,29
	%	4,0%	5,3%	28,0%	41,3%	21,3%	
Phân công người phụ trách, chịu trách nhiệm từng đầu công việc thực hiện kế hoạch	SL	5	5	15	34	16	2,32
	%	6,7%	6,7%	20,0%	45,3%	21,3%	
Đảm bảo đầy đủ các nguồn lực để thực hiện kế hoạch	SL	3	6	16	33	17	2,27
	%	4,0%	8,0%	21,3%	44,0%	22,7%	
Có cơ chế tự kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình	SL	3	5	18	31	18	2,25
	%	4,0%	6,7%	24,0%	41,3%	24,0%	

Kết quả Bảng 3 cho thấy thực trạng tổ chức triển khai kế hoạch dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực đạt mức TB, với Điểm TB các nội dung khảo sát dao động từ 2,25 đến 2,32. Điều này phản ánh rằng mặc dù các kế hoạch đã được ban hành, song việc tổ chức triển khai trong thực tiễn còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực.

Xét theo từng nội dung cụ thể, tiêu chí “Phân công người phụ trách, chịu trách nhiệm từng đầu công việc thực hiện kế hoạch” đạt điểm TB cao nhất (2,32 - mức TB). Kết quả này cho thấy các nhà trường đã có sự phân công nhiệm vụ nhất định trong quá trình triển khai kế hoạch. Tuy nhiên, tỷ lệ đánh giá ở mức “TB” vẫn chiếm ưu thế (45,3%), cho thấy việc phân công chủ yếu mang tính hành chính, chưa gắn rõ trách nhiệm với kết quả đầu ra và hiệu quả triển khai các HỖ ĐH theo năng lực.

Tiêu chí “Thực hiện quản lý theo sự phân cấp rõ ràng trong Nhà trường” có điểm TB 2,31, phản ánh bước đầu đã có sự phân cấp trong tổ chức triển khai. Tuy nhiên, tỷ lệ “chưa đạt” còn khá cao (22,7%), điều đó cho thấy sự phối hợp giữa các cấp quản lý chưa thực sự đồng bộ, ảnh hưởng đến tính linh hoạt và hiệu quả khi triển khai kế hoạch dạy học theo tiếp cận năng lực.

Các nội dung liên quan đến quản trị hệ thống và bảo đảm điều kiện triển khai có điểm

TB thấp hơn. Cụ thể, tiêu chí “Quản trị theo hệ thống chặt chẽ theo chức năng” đạt 2,29, trong khi tiêu chí “Đảm bảo đầy đủ các nguồn lực để thực hiện kế hoạch” chỉ đạt 2,27. Kết quả này phản ánh rằng hoạt động triển khai kế hoạch chưa được hỗ trợ đầy đủ bởi hệ thống quản trị và các nguồn lực cần thiết, đặc biệt là đội ngũ, cơ sở vật chất, học liệu và điều kiện tổ chức dạy học theo nhiệm vụ.

Đáng chú ý, tiêu chí “Có cơ chế tự kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình” đạt điểm TB thấp nhất (2,25), với tỷ lệ “chưa đạt” lên đến 24,0%. Đây là một trong những nội dung then chốt của quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực, song kết quả cho thấy công tác giám sát, theo dõi và điều chỉnh quá trình triển khai kế hoạch còn yếu, chưa hỗ trợ kịp thời cho giảng viên và sinh viên trong quá trình dạy - học.

Các nội dung khảo sát cho thấy hoạt động tổ chức triển khai kế hoạch dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực mới đạt mức TB, thiếu tính đồng bộ giữa phân công - nguồn lực - giám sát. Việc triển khai chủ yếu dựa vào các quy trình quản lý truyền thống, chưa chuyển mạnh sang quản lý theo kết quả và quá trình hình thành năng lực của người học. Đây là điểm nghẽn quản lý quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện kế hoạch dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học quốc tế ở Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 4.4. Thực trạng chỉ đạo hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực

**Bảng 4. Thực trạng chỉ đạo hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực**

Nội dung		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Chưa đạt	Điểm TB
Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện kế hoạch rõ ràng	SL	3	7	17	32	16	2,32
	%	4,0%	9,3%	22,7%	42,7%	21,3%	
Xây dựng công cụ, biểu mẫu, hồ sơ,...đảm bảo đáp ứng quá trình kế hoạch	SL	4	6	17	31	17	2,32
	%	5,3%	8,0%	22,7%	41,3%	22,7%	
Khuyến khích sự linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện kế hoạch	SL	5	7	13	34	16	2,35
	%	6,7%	9,3%	17,3%	45,3%	21,3%	
Luôn hướng đến mục tiêu của kế hoạch	SL	4	6	16	33	16	2,32
	%	5,3%	8,0%	21,3%	44,0%	21,3%	

Kết quả Bảng 4 cho thấy thực trạng chỉ đạo HĐDH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực chỉ đạt mức TB, với Điểm TB các nội dung khảo sát dao động từ 2,32 đến 2,35. Điều này phản ánh rằng hoạt động chỉ đạo đã được triển khai trên thực tế, song chưa phát huy đầy đủ vai trò dẫn dắt, hỗ trợ và điều chỉnh quá trình dạy học theo tiếp cận năng lực.

Xét theo từng nội dung cụ thể, tiêu chí “Khuyến khích sự linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện kế hoạch” đạt điểm TB cao nhất (2,35 - mức TB). Kết quả này cho thấy nhà trường bước đầu tạo điều kiện để giảng viên chủ động trong tổ chức dạy học. Tuy nhiên, tỷ lệ đánh giá ở mức “TB” chiếm ưu thế (45,3%), cho thấy sự khuyến khích này mới dừng ở định hướng chung, chưa được cụ thể hóa bằng cơ chế hỗ trợ rõ ràng, đặc biệt trong việc thiết kế nhiệm vụ và hoạt động học tập theo năng lực.

Các tiêu chí “Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện kế hoạch rõ ràng” và “Xây dựng công cụ, biểu mẫu, hồ sơ đảm bảo đáp ứng quá trình kế hoạch” cùng đạt điểm TB

2,32. Điều này phản ánh rằng công tác tập huấn và hỗ trợ chuyên môn đã được triển khai nhưng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn của giảng viên, nhất là trong việc chuyên hóa kế hoạch và chuẩn đầu ra thành HĐDH cụ thể. Tỷ lệ “chưa đạt” ở hai tiêu chí này vẫn ở mức khá cao (trên 21%), cho thấy hệ thống công cụ và hướng dẫn chưa thực sự đồng bộ và hiệu quả.

Tiêu chí “Luôn hướng đến mục tiêu của kế hoạch” cũng đạt điểm TB 2,32, cho thấy hoạt động chỉ đạo về mặt định hướng mục tiêu được thực hiện tương đối nhất quán. Tuy nhiên, việc “hướng đến mục tiêu” chủ yếu mới thể hiện ở mức quản lý hành chính, chưa gắn chặt với việc theo dõi mức độ đạt chuẩn năng lực của sinh viên trong quá trình dạy học. So sánh giữa các nội dung cho thấy, các hoạt động chỉ đạo mang tính định hướng chung (khuyến khích, nhấn mạnh mục tiêu) được đánh giá cao hơn so với các hoạt động chỉ đạo mang tính thực hành (tập huấn chuyên sâu, xây dựng công cụ, hỗ trợ triển khai). Điều này phản ánh rõ thực trạng: chỉ đạo dạy học theo tiếp cận năng lực còn thiên về chủ trương hơn là hỗ trợ triển khai cụ thể trong lớp học.

Tổng hợp các nội dung khảo sát cho thấy công tác chỉ đạo HĐDH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực mới đạt mức TB, chưa phát huy đầy đủ vai trò “đòn bẩy” trong việc chuyên hóa kế hoạch và mục tiêu thành thực tiễn dạy học. Đây là một điểm nghẽn quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tổ chức dạy học và kết quả hình thành năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ tại các trường đại học quốc tế ở Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 4.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực

**Bảng 5. Thực trạng kiểm tra và đánh giá hoạt động dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực**

Nội dung		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Chưa đạt	Điểm TB
Tạo cơ chế tự kiểm tra, đánh giá nội bộ (cá nhân/đơn vị)	SL	4	6	16	31	18	2,29
	%	5,3%	8,0%	21,3%	41,3%	24,0%	
Đảm bảo công cụ để tự kiểm tra, đánh giá	SL	3	7	18	30	17	2,32
	%	4,0%	9,3%	24,0%	40,0%	22,7%	
Tổ chức hướng dẫn cách thức tự kiểm tra, đánh giá	SL	4	7	14	34	16	2,32
	%	5,3%	9,3%	18,7%	45,3%	21,3%	
Có cơ chế giám sát hoạt động tự kiểm tra, đánh giá (thường xuyên và định kỳ)	SL	5	6	14	33	17	2,32
	%	6,7%	8,0%	18,7%	44,0%	22,7%	
Nội dung và thang đo đảm bảo đánh giá đúng nội dung và mức độ đạt (cấp độ)	SL	4	6	17	32	16	2,33
	%	5,3%	8,0%	22,7%	42,7%	21,3%	
Kết quả kiểm tra, đánh giá phục vụ việc cải tiến và nâng cao QLDH	SL	5	7	15	31	17	2,36
	%	6,7%	9,3%	20,0%	41,3%	22,7%	

Kết quả Bảng 5 cho thấy thực trạng kiểm tra và đánh giá HĐDH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực chỉ đạt mức TB, với Điểm TB các nội dung khảo sát dao động từ 2,29 đến 2,36. Điều này phản ánh rằng công tác kiểm tra - đánh giá đã được triển khai ở các nhà trường, song chưa

đáp ứng yêu cầu cốt lõi của quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực, đặc biệt là đánh giá quá trình và mức độ đạt chuẩn năng lực của người học.

Xét theo từng nội dung cụ thể, tiêu chí “Kết quả kiểm tra, đánh giá phục vụ việc cải tiến và nâng cao quản lý dạy học” đạt điểm TB cao nhất (2,36 - mức TB). Kết quả này cho thấy nhà trường đã có ý thức sử dụng kết quả đánh giá cho hoạt động quản lý. Tuy nhiên, tỷ lệ đánh giá ở mức “TB” và “chưa đạt” vẫn chiếm đa số (64,0%), cho thấy việc sử dụng kết quả đánh giá chủ yếu mang tính tổng hợp, chưa thực sự phát huy vai trò phản hồi và cải tiến liên tục theo chu trình PDCA của tiếp cận năng lực.

Các tiêu chí “Đảm bảo công cụ để tự kiểm tra, đánh giá”, “Tổ chức hướng dẫn cách thức tự kiểm tra, đánh giá” và “Có cơ chế giám sát hoạt động tự kiểm tra, đánh giá” đều đạt điểm TB 2,32. Điều này phản ánh rằng hệ thống công cụ, hướng dẫn và giám sát đã được hình thành, song chưa đồng bộ và chưa đi vào chiều sâu thực hành. Tỷ lệ “chưa đạt” ở các tiêu chí này vẫn dao động trên 21%, cho thấy hoạt động tự đánh giá - một yêu cầu quan trọng của dạy học theo tiếp cận năng lực - chưa được tổ chức thường xuyên và hiệu quả.

Tiêu chí “Nội dung và thang đo đảm bảo đánh giá đúng nội dung và mức độ đạt (cấp độ)” đạt điểm TB 2,33, cho thấy việc xây dựng thang đo và tiêu chí đánh giá còn hạn chế. Kết quả này phản ánh thực trạng thiếu các rubric đánh giá năng lực cụ thể, khiến hoạt động kiểm tra - đánh giá vẫn nghiêng về đo lường kiến thức hoặc kết quả cuối kỳ, chưa phản ánh đầy đủ năng lực vận dụng tiếng Anh của sinh viên.

Đáng chú ý, tiêu chí “Tạo cơ chế tự kiểm tra, đánh giá nội bộ (cá nhân/đơn vị)” có điểm TB thấp nhất (2,29), với tỷ lệ “chưa đạt” cao (24,0%). Đây là nội dung then chốt của quản lý theo tiếp cận năng lực, song kết quả cho thấy văn hóa tự đánh giá và tự chịu trách nhiệm về chất lượng dạy học chưa được hình thành rõ nét trong các nhà trường.

So sánh giữa các nội dung cho thấy, các hoạt động đánh giá mang tính hành chính và tổng kết được đánh giá cao hơn so với các hoạt động đánh giá mang tính quá trình, phản hồi và phát triển năng lực. Điều này phản ánh rõ thực trạng: kiểm tra - đánh giá trong dạy học tiếng Anh chưa chuyển mạnh từ “đánh giá kết quả” sang “đánh giá vì sự phát triển năng lực người học”.

Tổng hợp các nội dung khảo sát cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá HĐDH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực mới đạt mức TB, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý dạy học theo chuẩn đầu ra. Đây là điểm nghẽn cốt lõi nhất trong toàn bộ chuỗi quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực, đòi hỏi phải có các biện pháp quản lý trọng tâm nhằm đổi mới hệ thống đánh giá, tăng cường đánh giá quá trình, đánh giá qua sản phẩm và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến liên tục HĐDH.

#### **4.6. Đánh giá chung về thực trạng quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực cho sinh viên không chuyên ngữ các trường đại học quốc tế ở thành phố Hồ Chí Minh**

##### *4.6.1. Mặt mạnh*

Tổng hợp kết quả khảo sát, phỏng vấn và quan sát cho thấy công tác quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực tại các trường đại học quốc tế ở Thành phố Hồ Chí Minh đã hình thành được nền tảng nhận thức và định hướng đổi mới tương đối rõ ràng. Phần lớn cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên đều nhận thức được vai trò và sự cần thiết của tiếp cận năng lực trong dạy học tiếng Anh, coi đây là hướng tiếp cận phù hợp với yêu cầu chuẩn đầu ra và hội nhập quốc tế.

Về mặt quản lý, các nhà trường đã bước đầu xây dựng kế hoạch dạy học, phân công nhiệm vụ và tổ chức triển khai theo quy trình nhất định, thể hiện qua việc ban hành kế hoạch,

phân cấp quản lý, chỉ đạo thực hiện và tổ chức các hoạt động hỗ trợ giảng viên. Hoạt động chỉ đạo nhìn chung hướng đến mục tiêu của kế hoạch, có sự khuyến khích tính linh hoạt và sáng tạo trong tổ chức dạy học. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra - đánh giá đã được quan tâm triển khai, với việc hình thành một số công cụ, quy trình và cơ chế giám sát nhất định. Kết quả kiểm tra - đánh giá bước đầu được sử dụng phục vụ hoạt động quản lý và cải tiến dạy học. Những kết quả này cho thấy quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực đã được triển khai trên thực tế, tạo tiền đề cho các bước đổi mới sâu hơn trong thời gian tới.

#### *4.6.2. Hạn chế*

Bên cạnh những mặt đạt được, kết quả thực trạng ở cả năm bảng khảo sát cho thấy quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực mới chỉ dừng ở mức TB, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của quản lý dạy học theo chuẩn đầu ra.

Thứ nhất, công tác xây dựng kế hoạch dạy học theo tiếp cận năng lực còn nhiều hạn chế. Các nội dung liên quan đến cụ thể hóa mục tiêu theo chuẩn đầu ra, xác định sản phẩm học tập, KPI và tiêu chí đánh giá đều có Điểm TB thấp (khoảng 2,07-2,24), cho thấy kế hoạch dạy học còn mang tính hình thức, chưa thực sự đóng vai trò định hướng cho việc tổ chức dạy học theo năng lực.

Thứ hai, việc tổ chức triển khai kế hoạch chưa đồng bộ và thiếu chiều sâu. Mặc dù đã có phân công nhiệm vụ và phân cấp quản lý, song các nội dung về quản trị hệ thống, bảo đảm nguồn lực và giám sát quá trình đều chỉ đạt mức TB (điểm TB khoảng 2,25-2,32). Điều này phản ánh rằng hoạt động triển khai vẫn dựa nhiều vào cách thức quản lý truyền thống, chưa chuyển mạnh sang quản lý theo quá trình hình thành năng lực của người học.

Thứ ba, công tác chỉ đạo dạy học theo tiếp cận năng lực chưa thực sự “chạm” đến HDDH trong lớp. Các hoạt động tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, xây dựng công cụ và hồ sơ hỗ trợ giảng viên đều có Điểm TB thấp (điểm TB khoảng 2,32-2,35), cho thấy sự chỉ đạo còn thiên về định hướng chung, thiếu hỗ trợ cụ thể cho giảng viên trong thiết kế nhiệm vụ và tổ chức dạy học theo năng lực.

Thứ tư, hoạt động kiểm tra - đánh giá là khâu hạn chế rõ nét nhất. Các tiêu chí về tự đánh giá, xây dựng thang đo, đánh giá quá trình và sử dụng kết quả đánh giá đều chỉ đạt mức TB (điểm TB khoảng 2,29-2,36). Việc đánh giá vẫn còn thiên về tổng kết, chưa phản ánh đầy đủ mức độ đạt chuẩn năng lực và khả năng vận dụng tiếng Anh của sinh viên.

Nhìn chung, các hạn chế cho thấy khoảng cách rõ rệt giữa nhận thức - chủ trương và năng lực triển khai trong thực tiễn quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực.

#### *4.6.3. Nguyên nhân*

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân đan xen. Trước hết, năng lực triển khai dạy học theo tiếp cận năng lực của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý chưa đồng đều, đặc biệt trong thiết kế nhiệm vụ học tập, xây dựng sản phẩm và đánh giá năng lực.

Thứ hai, công tác quản lý kế hoạch, triển khai, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá chưa được thực hiện theo một hệ thống thống nhất, dẫn đến thiếu sự liên kết giữa mục tiêu - nội dung - phương pháp - đánh giá.

Thứ ba, nguồn lực bảo đảm cho dạy học theo tiếp cận năng lực còn hạn chế, bao gồm sĩ số lớp học đông, thời lượng học phần chưa phù hợp và điều kiện hỗ trợ cá nhân hóa hoạt động học tập còn thiếu.

Thứ tư, hạ tầng công nghệ và hệ thống LMS tuy đã được đầu tư nhưng chưa được khai thác một cách hiệu quả, làm giảm vai trò hỗ trợ tự học, đánh giá quá trình và phản hồi kịp thời

cho sinh viên.

Cuối cùng, sinh viên chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng tự đánh giá và tự quản lý việc học theo tiếp cận năng lực, dẫn đến việc tham gia các hoạt động học tập và đánh giá còn mang tính thụ động.

Trên cơ sở những hạn chế và nguyên nhân đã phân tích, nghiên cứu cho rằng cần có các biện pháp quản lý mang tính hệ thống và trọng tâm, nhằm chuyển hóa nhận thức và chủ trương hành thực tiễn quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực một cách hiệu quả và bền vững.

## **5. Kết luận**

Kết quả nghiên cứu đã góp phần làm rõ thực trạng và những vấn đề đặt ra trong quản lý HĐDH tiếng Anh theo tiếp cận năng lực cho sinh viên không chuyên ngữ tại các trường đại học quốc tế ở Thành phố Hồ Chí Minh, trong bối cảnh giáo dục đại học đang chuyển mạnh sang đào tạo theo chuẩn đầu ra và định hướng xem tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai.

Kết quả khảo sát cho thấy, mặc dù nhận thức của các chủ thể quản lý và giảng dạy về tiếp cận năng lực tương đối thống nhất, song các khâu quản lý cốt lõi như xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá vẫn còn nhiều hạn chế, chủ yếu mới đạt mức TB và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của dạy học theo tiếp cận năng lực.

Trên cơ sở đó, bài viết khuyến nghị cơ quan quản lý giáo dục cần ban hành hướng dẫn thống nhất về khung năng lực và tiêu chí đánh giá theo CEFR làm căn cứ triển khai đồng bộ trong các cơ sở đào tạo; các trường đại học quốc tế cần tăng cường đồng bộ hóa giữa chuẩn đầu ra, chương trình, kế hoạch dạy học, phương pháp tổ chức và kiểm tra - đánh giá, đồng thời đầu tư và khai thác hiệu quả hạ tầng công nghệ hỗ trợ học tập; giảng viên cần đẩy mạnh tổ chức dạy học theo nhiệm vụ, xây dựng sản phẩm học tập và sử dụng rubric đánh giá năng lực; sinh viên cần phát huy vai trò chủ động trong thực hành, tự học và tự đánh giá theo chuẩn đầu ra đã xác định.

Nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận về quản lý dạy học tiếng Anh theo tiếp cận năng lực trong bối cảnh đào tạo đại học quốc tế, mà còn cung cấp luận cứ thực tiễn cho các trường đại học trong việc xây dựng cơ chế quản lý đồng bộ giữa chuẩn đầu ra, tổ chức dạy học và kiểm tra - đánh giá năng lực, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của giáo dục đại học Việt Nam

## **Tài liệu tham khảo**

- Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.*
- Chan, C. K. Y., & Chen, S. W. (2024). Conceptualisation of teaching excellence: An analysis of teaching excellence schemes. *Assessment & Evaluation in Higher Education*, 49(4), 1–13. <https://doi.org/10.1080/02602938.2023.2271188>
- Chính phủ. (2025). *Nghị định số 222/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 quy định dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong giáo dục.*
- H. N. (2026). Ưu tiên dạy tiếng Anh, chưa mở rộng ngoại ngữ khác. *Báo Khánh Hòa*. Truy cập từ: <https://baokhanhhoa.vn/giao-duc/202601/uu-tien-day-tieng-anh-chua-mo-rong-ngoai-ngu-khac-48c3332/>
- Huỳnh, V. S., & Nguyễn, T. M. T. (2019). Quản lý hoạt động dạy học theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục*, 04(24).

- Nguyễn, B. H. T., & Nguyễn, T. T. (2021). Biện pháp quản lý hoạt động dạy học thực hành các môn khoa học tự nhiên ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ – Đại học Đà Nẵng*, 19(8).
- Nguyễn, N. N. Đ. K., Phan, T. H., & Cao, T. H. (2023). Quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh theo định hướng tiếp cận năng lực cho sinh viên ở các trường đại học. *Journal of Educational Equipment: Applied Research*, Special Issue July 2023, 3–9.
- Nguyễn, T. H. (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động dạy học tiếng Anh cho sinh viên không chuyên. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 19(4), 112–121.
- Nguyễn, T. H. N. (2025). Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng quản lý dạy và học các học phần tiếng Anh tại Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy. *Tạp chí Giáo dục*, 25(23), 59–64.
- Nguyễn, V. H. (2021). Thực trạng quản lý dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh ở các trường trung học cơ sở thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, 516(2), 37–42.
- Phạm, T. T. H., Tuấn, T. T. T., Nguyễn, H. Y., & Trần, T. T. H. (2025). Các mô hình đánh giá hiệu quả giảng dạy trong giáo dục đại học và định hướng ứng dụng cho Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 25(13), 13–17.
- Thủ tướng Chính phủ. (2025a). *Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025–2035, tầm nhìn đến năm 2045”*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2025b). *Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 phê duyệt Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025–2035, định hướng đến năm 2045”*.
- Trần, T. N. H. (2020). Quản lý hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. *Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục*, 02(26).
- Trương, T. Đ., & Trần, Q. G. (2025). Kinh nghiệm quốc tế về quản trị giáo dục phổ thông tư thực trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và một số đề xuất cho Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 25(5), 48–53.
- UNESCO. (2016). *Education 2030: Incheon declaration and framework for action for the implementation of Sustainable Development Goal 4*. Paris: UNESCO.